ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KHOA LUẬT

VŨ THỊ PHƯỢNG

BIỆN PHÁP TƯ PHÁP: TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

Chuyên ngành **: Luật hình sự và tố tụng hình sự**

Mã số **: 60 38 01 04**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS Trịnh Quốc Toản**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Mục lục
Danh mục các từ viết tắt
Danh mục các bảng
MỞ ĐẦU 1
Chương 1: **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BIỆN PHÁP TƯ PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM** 7
1.1. cơ sở lý luận về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 7
1.1.1. Quan niệm chung về các biện pháp tư pháp 7
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 12
1.2. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản và với biện pháp tư pháp tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm trong luật hình sự Việt Nam 17
1.2.1. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tiền 17
1.2.2. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tịch thu tài sản 20
1.2.3. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với biện pháp tư pháp "Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm" 22
1.3. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam quy định biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 25
1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 25
1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999 27
1.4. Nghiên cứu so sánh biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong pháp luật hình sự Việt Nam với biện pháp cưỡng chế hình sự tương đương trong luật hình sự của Liên bang Nga và Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa 29
1.4.1. Luật hình sự Liên bang Nga 29
1.4.2. Luật hình sự nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa 32

Chương 2: **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP TƯ PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH** 36
2.1. Những quy định về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong Bộ luật hình sự năm 1999 36
2.1.1. Những quy định chung 36
2.1.2. Quy định về "Trả lại tài sản" 44
2.1.3. Quy định về "Sửa chữa tài sản" 50
2.1.4. Quy định về "Bồi thường thiệt hại" 52
2.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trên địa bàn tỉnh Thái Bình 65
2.2.1. Tình hình chung 65
2.2.2. Một số tồn tại, hạn chế trong áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trên địa bàn tỉnh Thái Bình 69
2.3. Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 78
2.3.1. Nguyên nhân khách quan 79
2.3.2. Nguyên nhân chủ quan 79
Chương 3: **MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG** 81
3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 81
3.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 82
3.2.1. Hoàn thiện quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 82
3.2.2. Hoàn thiện một số quy định pháp luật hình sự có liên quan đến áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" 86
3.3. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong thực tiễn 91
3.3.1. Nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp 91
3.3.2. Tăng cường hoạt động hướng dẫn bảo đảm thực hiện áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thường thiệt hại" đạt hiệu quả 93
3.3.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật 96
3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép 97
KẾT LUẬN 98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 99

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tình hình tội phạm ở nước ta thời gian qua ngày càng gia tăng không chỉ về số lượng mà cả về các loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền sở hữu; các tội phạm về chức vụ cũng như các tội phạm kinh tế... Để xử lý các tội phạm này các cơ quan tiến hành tố tụng phải áp dụng nhiều biện pháp xử lý khác nhau, trong đó có việc áp dụng biện pháp tư pháp. Theo báo cáo của Bộ tư pháp năm 2012 "Thực tiễn 11 năm thi hành Bộ luật hình sự (BLHS) cho thấy, các biện pháp tư pháp thường được áp dụng nhiều nhất là tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 41); trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại (Điều 42)".

Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" không có ý nghĩa quyết định như hình phạt nhưng trong giới hạn tác động của nó đã phát huy được vai trò tích cực, là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm. Vai trò nổi bật của biện pháp tư pháp này khi áp dụng đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội trong tương lai và khi áp dụng cùng hình phạt nó có vai trò hỗ trợ cho hình phạt.

Tuy nhiên, việc nhận thức cũng như áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" một cách chính xác, trên cơ sở đó đưa ra phán quyết công bằng và thống nhất chung cho mọi trường hợp không phải là việc dễ dàng, đơn giản đối với những người tiến hành tố tụng. Vì thế có nhiều trường hợp đã dẫn đến tình trạng cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong áp dụng các điều luật có nội dung liên quan đến vấn đề xử lý tài sản là đối tượng chiếm đoạt hoặc bị sử dụng trái phép, còn tồn tại việc xác định thiệt hại cũng như đánh giá các chứng cứ liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại chưa triệt để dẫn đến Tòa án đưa ra quyết định về việc bồi thường thiệt hại chưa thỏa đáng, có trường hợp bồi thường thấp có trường hợp bồi thường cao;… Đây cũng là một trong những lý do dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật không thống

nhất và tình trạng kháng cáo, kháng nghị, kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng lợi ích của những người bị hại thậm chí của cả người phạm tội.

Bản chất của biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" mang tính dân sự và giải quyết trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự là một trong những nguyên tắc quan trọng đã được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003. Trong thời gian qua, các quy định của pháp luật hình sự về biện pháp tư pháp này đã có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng cũng như nghiên cứu vẫn còn tồn tại nhiều ý kiến, cách hiểu và áp dụng khác nhau.

Việc tiếp tục nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra những giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu quả áp dụng những quy định đó không chỉ có ý nghĩa lý luận, thực tiễn và pháp lý quan trọng mà còn là lý do luận chứng cho việc lựa chọn đề tài: ***Biện pháp tư pháp: Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại theo Bộ luật hình sự năm 1999*** làm luận văn thạc sĩ luật học. Đây là một đề tài khá mới và phức tạp tuy nhiên với phạm vi luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ nghiên cứu một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến biện pháp tư pháp này trên cơ sở nghiên cứu số liệu thực tiễn xét xử 5 năm (2009 - 2013) địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Tình hình nghiên cứu

Từ khi Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực, các biện pháp tư pháp cũng đã được một số tài liệu, bài viết tạp chí đề cập đến và cũng đã được các nhà nghiên cứu chọn làm đề tài luận văn, luận án.

Trước tiên, phải kể đến là giáo trình của một số cơ sở đào tạo Luật trong nước.

Thứ hai, ở cấp độ luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thực hiện ở một số cơ sở đào tạo Luật trong nước.

Thứ ba, một số sách chuyên khảo.

Thứ tư, một số bài viết trên các tạp chí chuyên ngành cũng đã đề cập đến đối tượng nghiên cứu của luận văn này.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

**** Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở nghiên cứu toàn diện và có hệ thống những vấn đề lý luận về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" cũng như thực tiễn pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật về biện pháp này trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong 5 năm từ năm 2009 đến năm 2013, luận văn đề xuất những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về biện pháp tư pháp này và nâng cao hiệu quả áp dụng nó trong thực tiễn.

**** Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích trên, luận văn phải thực hiện nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của biện pháp tư pháp này; phân biệt biện pháp này với biện pháp tư pháp "Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm" và với một số hình phạt mang tính kinh tế.

- Nghiên cứu so sánh với pháp luật hình sự Liên bang Nga và Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa.

- Phân tích làm sáng tỏ những quy định biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong luật hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay;

- Phân tích, đánh giá thực tiễn áp dụng biện pháp này trên địa bàn tỉnh Thái Bình từ năm 2009 đến năm 2013 để chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của nó.

- Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và thực tiễn, luận văn đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện chế định biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong pháp luật hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được trình bày trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về Nhà nước và pháp luật, logic học, triết học, tội phạm học, luật hình sự, tố tụng hình sự.

Luận văn được hình thành dựa trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học và các tài liệu đã được công bố, dựa trên cơ sở nghiên cứu các văn bản pháp luật của Nhà nước, các văn bản áp dụng pháp luật, bản án, quyết định của Tòa án nhân dân, phân tích thực tiễn trên địa bàn tỉnh Thái Bình đồng thời sử dụng phương pháp hệ thống, phương pháp logic lịch sử, phân tích, thống kê và phương pháp tổng hợp để chọn lọc, trình bày nội dung luận văn.

5. Những điểm mới và đóng góp của luận văn

Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, vì đây là công trình nghiên cứu đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" mà trong đó giải quyết nhiều vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn liên quan đến loại biện pháp tư pháp thường xuyên được áp dụng trong thực tiễn của luật hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn có đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định để nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp tư pháp này trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay.

Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, đào tạo, các cơ quan bảo vệ pháp luật có thể dùng để rút kinh nghiệm trong công tác điều tra, truy tố, xét xử.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, và danh mục tài liệu tham khảo, nội dụng của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" theo luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những quy định về biện pháp tư pháp: "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong Bộ luật hình sự năm 1999 và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện các quy định về biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong pháp luật hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BIỆN PHÁP TƯ PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Cơ sở lý luận về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

1.1.1. Quan niệm chung về các biện pháp tư pháp

Chế định hình phạt được BLHS năm 1999 ghi nhận đầy đủ từ khái niệm, mục đích đến các loại hình phạt cụ thể. Trong khi đó, pháp luật hình sự nước ta từ năm 1945 đến nay chưa có ghi nhận khái niệm pháp lý cũng như mục đích của biện pháp tư pháp. Định nghĩa biện pháp tư pháp đã được một số nhà hình sự học đề cập đến trong một số công trình khoa học luật hình sự như các sách chuyên khảo và giáo trình của các trường đại học chuyên ngành Luật.

Trên cơ sở nghiên cứu phân tích, so sánh, tổng hợp các định nghĩa của các nhà khoa học trong và ngoài nước, có thể chỉ ra năm đặc điểm cơ bản của biện pháp tư pháp như sau:

Thứ nhất, biện pháp tư pháp là biện pháp cưỡng chế về hình sự của Nhà nước ít nghiêm khắc hơn hình phạt.

Thứ hai, biện pháp tư pháp được áp dụng cho chính cá nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong những trường hợp người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) hoặc được miễn truy cứu TNHS thì người đó vẫn có thể phải bị áp dụng biện pháp tư pháp.

Thứ ba, biện pháp tư pháp nhằm hạn chế quyền, tự do của người thực hiện tội phạm, nhằm hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt và nhằm loại bỏ những điều kiện phạm tội, ngăn ngừa chủ thể bị áp dụng phạm tội trong tương lai.

Thứ tư, biện pháp tư pháp được áp dụng đối với tất cả các giai đoạn tố tụng vì vậy chủ thể áp dụng biện pháp tư pháp rộng hơn chủ thể áp dụng hình phạt.

Thứ năm, biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS, phải được cơ quan tư pháp có thẩm quyền áp dụng theo một trình tự thủ tục chặt chẽ do

luật tố tụng hình sự quy định và phải tuân theo nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc công bằng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm của con người.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

** Khái niệm, đặc điểm của biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"*

Trên cơ sở phân tích, tác giả mạnh dạn đưa ra một khái niệm về biện pháp tư pháp này như sau: *"Biện pháp trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định và được cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng buộc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra".*

Về đặc điểm của biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại", đây là biện pháp tư pháp nên nó có đủ năm đặc điểm của biện pháp tư pháp nói chung. Ngoài ra, biện pháp này còn có những đặc điểm riêng sau:

Thứ nhất, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong trường hợp được Tòa án áp dụng cùng với hình phạt không chỉ nhằm hỗ trợ cho hình phạt mà còn để xử lý vật chứng trong vụ án hình sự.

Thứ hai, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" là biện pháp tư pháp hình sự đồng thời mang tính chất dân sự.

** Vai trò của biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"*

Trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, cùng với việc quy định tội phạm luật hình sự quy định một hệ thống biện pháp cưỡng chế hình sự đa dạng để xử lý các hành vi nguy hiểm cho xã hội

Trong lĩnh vực áp dụng pháp luật, việc quy định biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong BLHS là căn cứ pháp lý giúp cho cơ quan tư pháp áp dụng pháp luật một cách chủ động, linh hoạt và chính xác hơn. Việc áp dụng biện pháp này sẽ củng cố, hỗ trợ và tăng cường cho hiệu quả áp dụng hình phạt.

Ngoài ra, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" còn có vai trò quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

1.2. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tiền, hình phạt tịch thu tài sản và với biện pháp tư pháp tịch thu tiền, vật trực tiếp liên quan đến tội phạm trong Luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tiền

Những điểm giống nhau:

Thứ nhất, chúng đều là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định, chỉ xuất hiện khi có sự việc phạm tội của cá nhân cụ thể có năng lực TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm.

Thứ hai, chúng đều là những biện pháp tác động vào tài sản, kinh tế của đối tượng bị áp dụng.

Thứ ba, chúng đều dẫn đến hậu quả pháp lý bất lợi nhất định đối với người bị áp dụng (đó là quyền sở hữu đối với tài sản).

Thứ tư, chúng đều là các dạng, các hình thức thực hiện TNHS, do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền áp dụng theo một trình tự, thủ tục đặc biệt được quy định trong luật tố tụng hình sự.

Thứ năm, theo pháp luật hình sự Việt Nam, chúng đều chỉ mang tính chất cá nhân và chỉ áp dụng đối với thể nhân phạm tội.

Những điểm khác nhau được tác giả dựa trên các tiêu chí: mức độ nghiêm khắc, cách thức áp dụng, chủ thể có thẩm quyền áp dụng, đối tượng áp dụng, phạm vi và mục đích áp dụng, đối tượng chịu tác động, hậu quả pháp lý của việc áp dụng.

1.2.2. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với hình phạt tịch thu tài sản

Những điểm giống nhau:

Thứ nhất, chúng đều là biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định, chỉ xuất hiện khi có sự việc phạm tội của cá nhân cụ thể có năng lực

TNHS, đủ tuổi chịu TNHS và có lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm.

Thứ hai, chúng đều là những biện pháp tác động vào tài sản, kinh tế của đối tượng bị áp dụng.

Thứ ba, chúng đều dẫn đến hậu quả pháp lý bất lợi nhất định đối với người bị áp dụng (đó là chấm dứt quyền sở hữu đối với tài sản của người phạm tội).

Thứ tư, chúng đều là các dạng, các hình thức thực hiện TNHS, do cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền áp dụng theo một trình tự, thủ tục đặc biệt được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự.

Thứ năm, theo pháp luật hình sự Việt Nam, chúng đều chỉ mang tính chất cá nhân và chỉ áp dụng đối với thể nhân phạm tội.

Thứ sáu, tài sản mà người phạm tội phải "trả" hoặc bị "tịch thu" đều là những tài sản do người phạm tội vi phạm pháp luật mà có.

Những điểm khác nhau được tác giả dựa trên các tiêu chí: mức độ nghiêm khắc, cách thức áp dụng, chủ thể có thẩm quyền áp dụng, đối tượng, phạm vi áp dụng, giới hạn của các biện pháp, mục đích và hậu quả pháp lý của việc áp dụng.

1.2.3. Phân biệt biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" với biện pháp tư pháp "Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm"

Những điểm giống nhau:

Thứ nhất, chúng đều là các biện pháp tư pháp được quy định trong BLHS năm 1999. Vì vậy, chúng đều mang đặc điểm chung của biện pháp tư pháp như đã trình bày ở trên.

Thứ hai, chúng đều là các biện pháp tác động đến tài sản, quyền kinh tế của người phạm tội.

Thứ ba, việc áp dụng chúng đều giúp cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vấn đề xử lý vật chứng, xử lý tài sản có liên quan và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

Những điểm khác nhau tác giả dựa trên các tiêu chí: đối tượng tác động, tính chất, đối tượng chịu tác động, phạm vi áp dụng.

1.3. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam quy định biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

Biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong thời kỳ này được đề cập chủ yếu trong thực tiễn xét xử.

1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp của nước ta các biện pháp tư pháp được quy định thành một chương riêng, hoàn chỉnh - Chương V với tên gọi "Các biện pháp tư pháp".

Trong BLHS năm 1985, biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" được quy định tại khoản 1 Điều 34. Theo quy định này có hai vấn đề chưa phù hợp: *Thứ nhất,* chưa thống nhất giữa tên gọi và nội dung của điều luật; *Thứ hai,* việc xác định đối tượng được trả lại tài sản bị chiếm đoạt.

Chính những bất cập đó đã dẫn đến nhu cầu phải sửa đổi, bổ sung quy định tại BLHS năm 1999.

1.4. Nghiên cứu so sánh biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong Pháp luật hình sự Việt Nam với biện pháp cưỡng chế hình sự tương đương trong luật hình sự của Liên bang Nga và Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa

1.4.1. Luật hình sự Liên bang Nga

Các quy định về việc trả lại tài sản, bồi thường thiệt hại trong luật hình sự Liên bang Nga khá tương đồng với luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên trong luật hình sự Liên bang Nga nội dung này không được gọi là biện pháp tư pháp và không được quy định thành chương riêng trong BLHS như nước ta mà chỉ quy định trong một số nội dung của BLTTHS.

1.4.2. Luật hình sự nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa

Luật hình sự Trung Quốc tuy không quy định việc người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc bồi thường thiệt hại là một biện pháp tư pháp trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế hình sự nhưng đã có những quy

định về việc Tòa án tuyên trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc bồi thường thiệt hại cho người bị hại cũng tương tự như luật hình sự Việt Nam.

Chương 2

NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP TƯ PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999 VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

2.1. Những quy định về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong Bộ luật hình sự năm 1999

2.1.1. Những quy định chung

* *Về chủ thể áp dụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) tùy từng giai đoạn tố tụng có quyền quyết định áp dụng biện pháp tư pháp này mà không bắt buộc phải có điều kiện áp dụng riêng.

* *Về phạm vi áp dụng:* Biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" chỉ áp dụng đối với *người phạm tội* để thể hiện tính nghiêm khắc của Nhà nước, thể hiện trách nhiệm của chủ thể tội phạm trong việc khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Các tội phạm thường được áp dụng biện pháp này như: các tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của con người, các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, ngoài ra các loại tội phạm khác tùy từng vụ án cụ thể có thể áp dụng biện pháp này.

Xét về mặt lỗi, biện pháp tư pháp này có thể được áp dụng đối với mọi hình thức lỗi, một người dù vô ý hay cố ý gây ra thiệt hại thì người đó vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

* *Về đối tượng bị áp dụng:* Biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" chỉ quy định mang tính khái quát hai đối tượng bị áp dụng là *"tài sản"* của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp và *thiệt hại vật chất đã được xác định.*

2.1.2. Quy định về "Trả lại tài sản"

Theo quy định của biện pháp "Trả lại tài sản" thì chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản là người không có lỗi trong việc để người phạm tội

sử dụng tài sản của mình làm công cụ, phương tiện phạm tội. Nếu chủ sở hữu là người có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng tài sản của mình làm công cụ, phương tiện phạm tội thì tài sản đó sẽ bị tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Nếu tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, cơ quan, đơn vị, tổ chức nhưng người quản lý hợp pháp có lỗi trong việc để người phạm tội sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội thì không được tịch thu mà phải trả lại cho Nhà nước, cơ quan, đơn vị, tổ chức đang quản lý hợp pháp tài sản đó.

Xét về tư cách tố tụng, những người được xác định là *chủ sở hữu* hoặc *người quản lý hợp pháp* đối với tài sản bị chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, để bảo vệ quyền lợi của mình tùy từng trường hợp cụ thể họ sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Vấn đề đặt ra đối với việc xử lý tài sản theo Điều 42 BLHS năm 1999 là khi những tài sản đó chưa hoàn tất các thủ tục đăng ký quyền sở hữu thì cơ quan có thẩm quyền sẽ trả tài sản đó cho ai?

2.1.3. Quy định về "Sửa chữa tài sản"

Người phạm tội phải sửa chữa tài sản đã chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép là một trong những quy định của biện pháp tư pháp nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Trong trường hợp tài sản đó sau khi bị chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép mà bị hư hỏng cho dù ở bất kỳ mức độ nặng, nhẹ nào thì về nguyên tắc người phạm tội phải thực hiện việc sửa chữa. Nếu vì những lý do nhất định mà việc sửa chữa không thực hiện được thì phải bồi thường cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản. Khi đó cơ quan có thẩm quyền sẽ áp dụng các quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại để giải quyết. So với biện pháp bồi thường thiệt hại thì biện pháp sửa chữa tài sản ít được áp dụng trong thực tế hơn.

2.1.4. Quy định về "Bồi thường thiệt hại"

Bồi thường thiệt hại là biện pháp tư pháp đồng thời cũng là biện pháp có tính chất dân sự, vì vậy trong trường hợp nó được áp dụng ở giai đoạn điều tra, truy tố thì mức độ, hình thức và phương thức bồi thường phải được

sự thỏa thuận của người phạm tội và người bị thiệt hại. Nếu không có sự thỏa thuận này, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không được ra quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội mà phải chuyển hồ sơ sang Tòa án theo thủ tục tố tụng chung.

** Cơ sở để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại:*

Thứ nhất, phải có thiệt hại thực tế xảy ra.

Thứ hai, phải có hành vi trái pháp luật hình sự.

Thứ ba, phải có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật hình sự và thiệt hại do hành vi trái pháp luật hình sự gây ra.

Thứ tư, phải có lỗi của người gây ra thiệt hại.

* Hình thức, phương thức và mức bồi thường thiệt hại: Một trong các nguyên tắc bồi thường thiệt hại là *"các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc một công việc"* (Điều 605 BLDS năm 2005). Tuy nhiên, trên thực tế các vụ án hình sự liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại hầu hết lựa chọn hình thức bồi thường bằng tiền và bằng các phương thức khác nhau được pháp luật cho phép căn cứ vào khả năng kinh tế của *người phạm tội*: bồi thường một lần hoặc nhiều lần theo tháng, quý, năm….

Xét về mức bồi thường, một trong các nguyên tắc bồi thường thiệt hại là "thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời". Khi ấn định mức bồi thường thiệt hại ngoài phụ thuộc vào yếu tố lỗi của các bên, Tòa án còn căn cứ vào khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của người gây ra thiệt hại, mức bồi thường có thể được yêu cầu thay đổi khi không còn phù hợp.

2.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trên địa bàn tỉnh Thái Bình

2.2.1. Tình hình chung

Tình hình tội phạm những năm gần đây diễn biến phức tạp, số lượng án hình sự mà ngành Tòa án phải thụ lý giải quyết không có chiều hướng giảm, đặc biệt là một số nhóm tội phạm có chiều hướng tăng đột biến cả về số lượng và mức độ nghiêm trọng thông qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.1: Thống kê xét xử các loại tội phạm của ngành Tòa án Thái Bình từ năm 2009 đến năm 2013

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số thụ lý	674 vụ 1062 bị cáo	644 vụ 1011 bị cáo	774 vụ 1185 bị cáo	846 vụ 1488 bị cáo	830 vụ 1433 bị cáo
Tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người	73 vụ 94 bị cáo	42 vụ 61 bị cáo	93 vụ 127 bị cáo	92 vụ 138 bị cáo	100 vụ 172 bị cáo
Tội phạm xâm phạm sở hữu	282 vụ 474 bị cáo	453 vụ 735 bị cáo	275 vụ 428 bị cáo	244 vụ 463 bị cáo	259 vụ 403 bị cáo
Tội phạm xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng	126 vụ 271 bị cáo	36 vụ 59 bị cáo	135 vụ 294 bị cáo	216 vụ 508 bị cáo	166 vụ 505 bị cáo
Tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	7 vụ 8 bị cáo	4 vụ 11 bị cáo	15 vụ 33 bị cáo	29 vụ 50 bị cáo	11 vụ 15 bị cáo
Tội phạm về tham nhũng	5 vụ 7 bị cáo	6 vụ 12 bị cáo	3 vụ 10 bị cáo	6 vụ 10 bị cáo	3 vụ 3 bị cáo
Tội phạm về ma túy	160 vụ 177 bị cáo	102 vụ 132 bị cáo	235 vụ 268 bị cáo	248 vụ 281 bị cáo	279 vụ 314 bị cáo
Tội phạm xâm phạm quản lý hành chính	0 vụ 0 bị cáo	1 vụ 1 bị cáo	18 vụ 25 bị cáo	15 vụ 31 bị cáo	12 vụ 20 bị cáo

Nguồn: Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" thường được áp dụng trong các nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; xâm phạm quyền sở hữu tài sản; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng.

Bảng 2.2. Thống kê xét xử 3 nhóm tội phạm có khả năng áp dụng cao biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại

Năm	2009	2010	2011	2012	2013
Tổng số thụ lý	674 vụ	644 vụ	774 vụ	846 vụ	830 vụ
Tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người	73 vụ 11%	42 vụ 7%	93 vụ 12%	92 vụ 11%	100 vụ 12%
Tội phạm xâm phạm sở hữu về tài sản	282 vụ 42%	453 vụ 70%	275 vụ 35%	244 vụ 29%	259 vụ 31%
Tội phạm xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng	126 vụ 19%	36 vụ 6%	135 vụ 17%	216 vụ 26%	166 vụ 20%
Tổng	**72%**	**83%**	**64%**	**66%**	**63%**

Nguồn: Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Từ bảng thống kê trên cho thấy các vụ án có khả năng áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" hàng năm chiếm tỉ lệ rất cao, đặc biệt trong năm 2010 chiếm đến 83% tổng số vụ án Tòa án thụ lý. Điều này cho thấy vai trò của biện pháp tư pháp này trong thực tiễn là rất lớn nhưng hiện nay việc thống kê áp dụng biện pháp này chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện. Do vậy để đánh giá mức độ áp dụng thường xuyên của biện pháp tư pháp này trong thực tiễn tác giả không có được con số chính xác tuyệt đối mà chỉ có thể đưa ra một số liệu mang tính tương đối trên cơ sở một mặt tác giả dựa vào số liệu thống kê các nhóm tội phạm có khả năng cao áp dụng cao biện pháp tư pháp này trong quá trình giải quyết vụ án đồng thời là các nhóm tội phạm có tỉ lệ thụ lý giải quyết của Tòa án cao nhất, mặt khác tác giả đã chọn 150 vụ án hình sự mang tính ngẫu nhiên theo tỉ lệ các nhóm tội phạm trên để xác thực số liệu.

Bằng phương pháp thực nghiệm 150 vụ án này, tác giả nhận thấy 100% các vụ án liên quan đến các nhóm tội phạm kể trên đều áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" khi giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự, có vụ án tài sản bị chiếm đoạt được trả lại cho chủ sở hữu ở giai đoạn truy tố, có vụ được Hội đồng xét xử tuyên tại phiên tòa nhưng hầu hết được Cơ quan điều tra tiến hành xử lý ngay tại giai đoạn điều tra. Có khoảng 30% số vụ án được nghiên cứu là tài sản bị chiếm đoạt không thể thu hồi do người phạm tội đã đem đi tiêu thụ do đó những vụ án này đều áp dụng biện pháp bồi thường thiệt hại (có khoảng 18% số vụ đó người phạm tội và người bị thiệt hại thỏa thuận được với nhau về vấn đề bồi thường ngay tại giai đoạn điều tra, chỉ có khoảng 12% trong số vụ án đó vấn đề bồi thường thiệt hại do Tòa án quyết định).

Từ phương pháp nghiên cứu trên, tác giả có thể khẳng định để xác định con số tương đối chính xác về thực tiễn áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2009 - 2013 chúng ta có thể sử dụng số liệu thống kê ở bảng 2.2 trên.

2.2.2. Một số tồn tại, hạn chế trong áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trên địa bàn tỉnh Thái Bình

** Tồn tại chung trong áp dụng điều luật:*

Thứ nhất, trong phần trách nhiệm dân sự của một số bản án tuyên bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị hại nhưng lại không ghi căn

cứ áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999 mà chỉ căn cứ vào các Điều luật của BLDS năm 2005.

Thứ hai, lúng túng trong áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS năm 1999 và Điều 76 BLTTHS năm 2003.

** Một số tồn tại, hạn chế khi áp dụng quy định về trả lại tài sản cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp:*

Thứ nhất, tài sản bị chiếm đoạt đã không được trả lại cho chủ sở hữu.

Thứ hai, tài sản bị chiếm đoạt chưa được điều tra làm rõ để trả cho chủ sở hữu.

** Một số tồn tại, hạn chế khi áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại:*

Thứ nhất, thiếu sót trong đối chiếu hóa đơn chứng từ chữa trị khi tuyên mức bồi thường thiệt hại, không xác minh tuổi của người được hưởng cấp dưỡng, không bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại.

Thứ hai, có chi phí thực tế nhưng Tòa án không xem xét để buộc bị cáo bồi thường thiệt hại và không buộc bị cáo bồi thường thu nhập bị mất cho người bị hại do tổn hại về sức khỏe. Ngược lại, có trường hợp không có căn cứ pháp lý nhưng Tòa án vẫn tuyên mức bồi thường thiệt hại, tiền cấp dưỡng cho các đối tượng mà người bị hại khi còn sống phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng cũng như khoản tiền bồi thường thu nhập bị giảm sút.

Thứ ba, xác định cha mẹ bồi thường thay sai quy định.

Thứ tư, Tòa án không buộc bị cáo bồi thường tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho người bị hại.

Thứ năm, căn cứ ấn định mức bồi thường mai táng phí theo "phong tục tập quán địa phương" là không hợp lý.

Thứ sáu, về phương thức bồi thường thiệt hại.

Việc quyết định phương thức bồi thường thiệt hại đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe thực tiễn cho thấy có Tòa án quyết định bồi thường hàng tháng, có Tòa án quyết định bồi thường một lần.

Thứ bảy, khi quyết định bồi thường thiệt hại đã không xem xét đến mức độ lỗi của người bị hại.

2.3. Những nguyên nhân của tồn tại, hạn chế trong áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

Các vụ án hình sự có giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự tăng lên nhiều về số lượng và ngày càng phức tạp hơn về tính chất. Việc xác định đúng các thiệt hại xảy ra, đánh giá mức độ lỗi của các bên cũng như ấn định một mức bồi thường phù hợp càng trở nên khó khăn.

Nguyên nhân hạn chế từ pháp luật thực định về biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại".

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã không quan tâm đúng mức tới việc giải quyết trách nhiệm dân sự mà chỉ chú trọng đến việc giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự; những người tiến hành tố tụng mà đặc biệt là Thẩm phán đã không nghiên cứu kỹ các quy định của BLDS và các hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tư pháp chưa được thường xuyên, đôi khi còn mang tính hình thức (thời gian mỗi khóa tập huấn thường rất ngắn) nên kết quả đạt được chưa cao.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BIỆN PHÁP "TRẢ LẠI TÀI SẢN, SỬA CHỮA HOẶC BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI" TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. Nhu cầu hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề hàng đầu được các quốc gia chú trọng đó là hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng nhằm tạo một hành lang pháp lý thuận lợi, đảm bảo mọi quan hệ xã hội đều được điều chỉnh bởi pháp luật.

Ngoài ra, trước yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đòi hỏi chúng ta phải xây dựng và hoàn thiện hơn nữa các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm trong đó biện pháp hữu hiệu nhất, quan trọng nhất là hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng.

Đặc biệt, qua quá trình áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" đã thấy rõ vai trò quan trọng của biện pháp này trong quá trình giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, cũng chính từ hoạt động thực tiễn áp dụng biện pháp đó cho thấy đã phát sinh một số quy định không phù hợp cần phải được sửa đổi, bổ sung để nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

3.2.1. Hoàn thiện quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999

** Về khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999*

Từ các phân tích, đề xuất bỏ quy định tại khoản 2 Điều 41 BLHS và khoản 1 Điều 42 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Bảng 3.1: Đề nghị sửa đổi khoản 2 Điều 41 BLHS và khoản 1 Điều 42

BLHS năm 1999	Đề nghị sửa đổi, bổ sung
Điều 41: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm. *"1. Việc tịch thu, sung quỹ Nhà nước được áp dụng đối với:* *a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;* *b) Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có;* *c) Vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.* *2. Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.*	**Điều 41: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm.** *"1. Việc tịch thu, sung quỹ Nhà nước được áp dụng đối với:* *a) Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;* *b) Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có;* *c) Vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành.*

3. Vật, tiền thuộc tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.	***2**. Vật, tiền thuộc tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.*
Điều 42: Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi *1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.*	**Điều 42: Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi.** *1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt **hoặc sử dụng trái phép** cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.*

Nguồn: Tác giả luận văn đề xuất.

** Về khoản 2 Điều 42 BLHS năm 1999*

Khoản 2 Điều 42 BLHS nên tách thành một điều luật riêng.

Bảng 3.2: Đề nghị sửa đổi Điều 42 BLHS năm 1999

BLHS năm 1999	Đề nghị sửa đổi, bổ sung
Điều 42: Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi. *1. Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.* *2. Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội **phải bồi thường về vật chất**, công khai xin lỗi người bị hại.*	**Điều 42: Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại;** *Người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt **hoặc sử dụng trái phép** cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.* **Điều X: Buộc công khai xin lỗi.** *Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội công khai xin lỗi người bị hại.*

Nguồn: Tác giả luận văn đề xuất.

3.2.2. Hoàn thiện một số quy định pháp luật hình sự có liên quan đến áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại"

** Về thủ tục xác định chủ sở hữu đối với tài sản:*

Hiện nay, theo quy định của BLDS năm 2005 và BLTTHS năm 2003, thì thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu và thời hạn tố tụng đối với vụ án từ lúc

khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử là không giống nhau, do vậy, trong thực tiễn xẩy ra các trường hợp sau:

Trường hợp 1: Đến ngày mở phiên tòa, thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu tài sản là vật chứng đã hết nhưng không tìm được chủ sở hữu.

Trường hợp 2: Đến ngày mở phiên tòa mà thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu tài sản là vật chứng vẫn còn và không tìm được chủ sở hữu.

Đối với trường hợp 1, không có khó khăn, vướng mắc gì trong thực tiễn xét xử; khi xét xử các vụ án có loại vật chứng nói trên, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS để quyết định sung quỹ Nhà nước. Nếu đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà có người đến nhận là chủ sở hữu của vật chứng đã được Tòa án tuyên sung quỹ Nhà nước, thì đây là trường hợp tranh chấp quyền sở hữu vật chứng, vì vật chứng đã được xác lập chủ sở hữu mới là Nhà nước; trường hợp này buộc đương sự phải thực hiện việc khởi kiện dân sự để giải quyết tranh chấp quyền sở hữu theo quy định tại khoản 4 Điều 76 BLTTHS, thủ tục kiện đòi tài sản theo quy định của BLTTDS năm 2004.

Đối với trường hợp 2, khi thời hạn tố tụng sắp hết (sắp hết thời hạn chuẩn bị xét xử) thì buộc Tòa án phải ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa hình sự sơ thẩm vì không có một quy định nào của pháp luật cho phép kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử để chờ hết thời hạn thông báo tìm chủ sở hữu của vật chứng; trong trường hợp này, khi ra bản án, Hội đồng xét xử quyết định xử lý vật chứng thế nào?

Hiện nay, có quan điểm cho rằng, Hội đồng xét xử *"... quyết định thông báo công khai một thời hạn mà thời hạn này cộng với thời hạn đã thông báo trước đó là đủ một năm. Ngày tính để thông báo là ngày tiếp theo với ngày cuối cùng của thời hạn đã thông báo trước.*

Chúng tôi cũng đồng tình với quan điểm trên, tuy nhiên, cách diễn đạt trong quyết định của bản án thế nào đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể hơn. Theo chúng tôi, từ ví dụ đã nêu trên, thì cần tuyên trong bản án như sau: *Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 76 BLTTHS, Điều 239 BLDS, quyết định trả lại .....(tên tài sản) cho chủ sở hữu. Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 01/7/2013, nếu không có chủ sở hữu đến nhận... (tên tài sản)*

thì...(tên tài sản) được sung quỹ Nhà nước. Trong trường hợp này cùng với việc ra bản án, Hội đồng xét xử phải ra thêm thông báo tìm chủ sở hữu; sau khi tuyên án, nếu trong thời hạn thông báo mà có người đến nhận là chủ sở hữu, sau khi xác minh đúng là chủ sở hữu của tài sản đó thì cơ quan có thẩm quyền trả lại tài sản cho họ. Nếu hết thời hạn thông báo mà có người đến nhận là chủ sở hữu của tài sản, thì đây là trường hợp tranh chấp quyền sở hữu đối với vật chứng và được giải quyết như ở *trường hợp 1* đã nêu trên; nếu không có người đến nhận là chủ sở hữu thì tài sản đó đương nhiên thuộc sở hữu của Nhà nước.

Từ những phân tích trên đây, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền xác định chủ sở hữu đối với tài sản trong BLTTHS năm 2003 theo hướng trên.

** Về trình tự, thủ tục thi hành biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong Luật thi hành án hình sự:*

Luật thi hành án hình sự mới có hiệu lực có dành Chương X quy định về thi hành biện pháp tư pháp nhưng với 4 mục và 31 Điều đều quy định về thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh và các biện pháp đối với người chưa thành niên mà không có quy định nào về thi hành biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại".

Vì vậy, chúng tôi kiến nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thi hành biện pháp này trong Luật thi hành án hình sự với các nội dung cơ bản như: cơ quan có trách nhiệm thi hành, quyền và trách nhiệm của cơ quan đó; quyền và nghĩa vụ của người bị áp dụng biện pháp này, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

** Về hợp tác quốc tế khi tài sản bị chiếm đoạt đang ở nước ngoài hoặc tài sản đang ở Việt Nam được xác định có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài*

Trong trường hợp tài sản cần phải được trả lại đang ở nước ngoài hoặc phía Việt Nam có đề nghị của nước ngoài áp dụng biện pháp trả lại tài sản đang có ở Việt Nam được xác định có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài hiện nay BLTTHS năm 2003 chưa có quy định về vấn đề này, ngay cả trong Luật tương trợ tư pháp cũng chưa có. Để đảm bảo mọi tài sản bị chiếm đoạt đều được trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đồng thời

để phù hợp với xu hướng chung trong quá tình hội nhập, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm nội dung này trong BLTTHS năm 2003 và Luật tương trợ tư pháp.

3.3. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong thực tiễn

3.3.1. Nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp

3.3.2. Tăng cường hoạt động hướng dẫn bảo đảm thực hiện áp dụng biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thường thiệt hại" đạt hiệu quả

Thứ nhất, khi người phạm tội tự nguyện trả lại tài sản cho chủ sở hữu chưa có hướng dẫn cụ thể là có được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "tự nguyện khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS hay là áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS cho bị cáo được hưởng "tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác".

Thứ hai, trường hợp người bị thiệt hại không chấp nhận nhận lại tài sản thì người phạm tội phải bồi thường còn tài sản đó được xử lý như thế nào?

3.3.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

Đây sẽ là cầu nối để đưa pháp luật vào cuộc sống, để pháp luật không còn là một điều bí mật nữa. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật rất đa dạng như: câu lạc bộ tìm hiểu pháp luật, thư viện pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua các cộng đồng dân cư, sử dụng công nghệ thông tin đặc biệt là internet.

3.3.4. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép

Thực tế cho thấy các trường hợp tài sản bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép có yếu tố nước ngoài thường gặp khó khăn trong vấn đề thu hồi để trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp. Vì vậy, theo chúng tôi:

- Trước hết, cần luật hóa vấn đề này trong BLTTHS và Luật tương trợ tư pháp.

- Chính phủ tăng cường đàm phán, ký kết và ưu tiên áp dụng các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam đã ký kết có nội dung thu hồi tài sản do

người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng có yếu tố nước ngoài trên nguyên tắc có đi có lại.

KẾT LUẬN

Biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" là một trong những biện pháp cưỡng chế hình sự nhằm hỗ trợ hữu hiệu cho hình phạt và chiếm một tỉ lệ cao trong quá trình áp dụng pháp luật.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã cố gắng giải quyết một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản của biện pháp này, có nghiên cứu so sánh với một số loại hình phạt và biện pháp tư pháp khác có tính kinh tế nhằm phân biệt chúng và làm sáng tỏ hơn nội hàm của biện pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại".

Tuy nhiên, qua nghiên cứu việc áp dụng biện pháp này trên địa bàn tỉnh Thái Bình 5 năm gần đây (2009 - 2013) cho thấy bên cạnh những điểm mạnh vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định trong quá trình điều tra vấn đề liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt chưa làm rõ dẫn đến tài sản không được trả lại cho chủ sở hữu, hoặc những trường hợp quyết định mức bồi thường, phương thức bồi thường và căn cứ bồi thường chưa chính xác… Với những hạn chế này chưa phát huy hết hiệu quả, giá trị của biện pháp tư pháp "Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại" trong quá trình giải quyết vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự. Trên cơ sở tìm hiểu các nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế tác giả đã đưa ra một số kiến nghị mang tính giải pháp để nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng biện pháp này trên thực tiễn. Trong đó, bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật, tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân thì vấn đề nâng cao năng lực cán bộ tư pháp, chú trọng việc đầu tư, thu hút cán bộ tư pháp vững về nghiệp vụ, sáng về đạo đức và tâm huyết với nghề cũng là một giải pháp quan trọng.

Đây là một vấn đề khá mới và phức tạp, tác giả đã hoàn thiện có sự tham khảo của một số bài viết trên các tạp chí. Tuy vậy, trong một số nội dung liên quan không tránh khỏi những quan điểm khác nhau, tác giả hi vọng nhận được nhiều ý kiến đóng góp để luận văn được hoàn thiện hơn.